

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

LÝ VĂN TOÁN

PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI CÁC TRANH CHẤP
KINH DOANH, THƯƠNG MẠI TẠI TÒA ÁN

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

TP. HỒ CHÍ MINH - NĂM 2024

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

LÝ VĂN TOÁN

PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI CÁC TRANH CHẤP
KINH DOANH, THƯƠNG MẠI TẠI TÒA ÁN

Ngành: *Luật kinh tế*

Mã ngành: *9380107*

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS LÊ VŨ NAM

TP. HỒ CHÍ MINH – NĂM 2024

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Hòa giải là thủ tục giải quyết tranh chấp (GQTC) kinh doanh, thương mại (KDTM) đã xuất hiện từ rất sớm và được các bên đương sự cũng như Tòa án áp dụng để GQTC. Trong nhiều biện pháp GQTC, hòa giải là một biện pháp quan trọng để giải quyết kịp thời các tranh chấp KDTM hướng tới mục đích bình đẳng và hòa hợp trong các mối quan hệ xã hội. Hòa giải đã trở thành một nét đẹp truyền thống, đạo lý của dân tộc Việt Nam giúp giải quyết những mâu thuẫn, tranh chấp góp phần giữ gìn sự hòa thuận cho từng gia đình, bình yên cho từng xóm làng, giữ trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội, củng cố khối đoàn kết cộng đồng.

Trên tinh thần đó, chế định hòa giải về những vụ án KDTM đã được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 (BLTTDS 2004). Lần gần đây nhất, Quốc hội đã thông qua BLTTDS 2015. Trong đó, chế định hòa giải là cơ sở để Tòa án tiến hành hòa giải góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức trên cơ sở tôn trọng quyền tự định đoạt của các đương sự. Thông qua hòa giải Tòa án có thể giúp các đương sự giải quyết mâu thuẫn khi thỏa thuận giải quyết vụ việc KDTM mà không phải kéo dài phiên tòa xét xử, giảm tốn kém thời gian, tiền bạc của Nhà nước, của các đương sự góp phần xây dựng tình đoàn kết trong nhân dân. Ngoài ra, thông qua hoạt động hòa giải Tòa án còn có thể giải thích pháp luật cho các đương sự góp phần nâng cao nhận thức pháp luật trong nhân dân. Trong bối cảnh hiện nay BLTTDS nói chung và những quy định về hòa giải những tranh chấp KDTM tại Tòa án đã bộc lộ những hạn chế, bất cập.

Ngoài ra, còn có những quy định mang tính chất chung chung, chưa đầy đủ, thiếu rõ ràng, có những trường hợp chưa thống nhất, còn thiếu sót chưa được nghiên cứu bổ sung và còn có những cách hiểu khác nhau, nhiều quy định chưa phù hợp hoặc không còn phù hợp với thực tiễn áp dụng pháp luật nên cần phải hoàn thiện cho phù hợp. Bên cạnh đó, hiện nay số vụ án KDTM hòa giải thành nhưng bị kháng nghị, bị hủy do vi phạm thủ tục tố tụng liên quan đến những quy định về hòa giải TCKDTM dẫn đến vụ án kéo dài phải giải quyết nhiều lần, nhiều cấp Tòa gây khó khăn phiền hà trong nhân dân.

Thực trạng trên đã đặt ra yêu cầu cấp bách phải nghiên cứu tìm ra những giải pháp sửa đổi, bổ sung nhằm góp phần hoàn thiện quy định của pháp luật về hòa giải tranh chấp KDTM tại Tòa án. Bên cạnh đó kiến nghị biện pháp thống nhất áp dụng pháp luật về hòa giải những tranh chấp kinh doanh, thương mại để chế định hòa giải tranh chấp KDTM được áp dụng một cách hiệu quả.

Xuất phát từ yêu cầu về mặt lý luận và thực tiễn cùng những điểm bất cập của pháp luật hiện hành, NCS quyết định lựa chọn đề tài ***“Pháp luật về hòa giải các tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án”*** làm Luận án Tiến sĩ Luật học của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- ***Mục tiêu chung:*** Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong các công trình khoa học đã công bố, đề tài làm rõ một số nội dung về hòa giải các tranh chấp KDTM tại Tòa án theo pháp luật Việt Nam mà các công trình trước đây chưa đề cập rõ hoặc chưa khai thác toàn diện dưới các góc độ: Lý luận, quy định pháp luật, thực tiễn xét xử và nghiên cứu kinh nghiệm pháp luật nước ngoài đưa ra các đóng góp hoàn thiện pháp luật về hoà giải các tranh chấp KDTM tại Tòa án.

- ***Mục tiêu cụ thể:*** Đề tài tập trung nghiên cứu làm sáng tỏ các nội dung chính như sau:

Thứ nhất, phân tích các vấn đề lý luận về vấn đề hòa giải các tranh chấp KDTM tại Tòa án.

Thứ hai, phân tích, đánh giá các quy định pháp luật hiện hành về hòa giải các tranh chấp KDTM tại Tòa án, chủ yếu là quy định của luật Thương mại, Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản hướng dẫn.

Thứ ba, khai thác một số bản án và các tình huống thực tiễn đã được giải quyết về hòa giải các tranh chấp KDTM tại Tòa án.

Thứ tư, trên cơ sở các định hướng hoàn thiện pháp luật, luận án đưa ra các giải pháp tổng thể và giải pháp cụ thể để hoàn thiện pháp luật hoà giải tranh chấp KDTM tại Tòa án ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài: Nghiên cứu nội dung các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và pháp luật thương mại Việt Nam hiện hành về hòa giải tranh chấp KDTM tại Tòa án và tìm hiểu thực trạng áp dụng pháp luật hiện nay về vấn đề này.

Phạm vi nghiên cứu: Trong khuôn khổ của một Luận án Tiến sĩ Luật học, NCS tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và pháp luật thương mại hiện hành về hòa giải TCKDTM tại Tòa án, không nghiên cứu thủ tục hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, những quy định về hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án mang tính chất so sánh nhằm hoàn thiện vấn đề hòa giải theo pháp luật tố tụng dân sự.

Thứ nhất, về thời gian.

Luận án không nghiên cứu toàn bộ quy định pháp luật Việt Nam từ trước đến nay về hòa giải trong giải quyết TCKDTM tại Tòa án theo quy định của pháp luật Việt Nam mà chỉ tập trung trong khoảng thời gian từ khi BLTTDS 2015 được ban hành cho đến nay.

Thứ hai, về không gian.

Trong nghiên cứu hòa giải trong giải quyết TCKDTM tại Tòa án nhìn dưới góc độ là một phương thức giải quyết tranh chấp, Luận án chỉ tập trung nghiên cứu pháp luật Việt Nam. Một số quy định pháp luật các nước, pháp luật của các quốc gia khác chỉ mang tính tham khảo và so sánh đánh giá nhằm rút ra bài học kinh nghiệm để hoàn thiện pháp luật Việt Nam.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, trong luận án này tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu điển hình trong lĩnh vực luật học như sau: Phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp so sánh luật học, phương pháp bình luận án, được áp dụng làm sáng tỏ những thay đổi trong quy định pháp luật và quan điểm lập pháp trong từng thời kỳ. Cụ thể:

- *Phương pháp phân tích:* Phương pháp này được sử dụng trong tất cả các nội dung của Luận án, nhằm làm rõ những quy định pháp luật có liên quan đến vấn đề hòa giải TCKDTM tại Tòa án. Ngoài ra, Luận án còn sử dụng phương pháp phân

tích để làm sáng tỏ những mặt được những mặt hạn chế của việc áp dụng pháp luật vào thực tiễn xét xử ở Chương 3,4. Hơn nữa, phương pháp này còn được sử dụng trong việc nghiên cứu pháp luật các nước về hòa giải trực tuyến, phân tích những thuận lợi và khó khăn để xây dựng khung pháp lý hòa giải trực tuyến TCKDTM tại Tòa án Việt Nam ở Chương 4.

- *Phương pháp tổng hợp*: Phương pháp này được sử dụng trước hết ở chương nghiên cứu tổng quan tình hình nghiên cứu pháp luật về hòa giải trong giải quyết TCKDTM tại Tòa án, để tổng hợp các công trình nghiên cứu có liên quan đến luận án ở trong và ngoài nước. Kế thừa những kết quả này đồng thời xác định những vấn đề liên quan đến đề tài mà các công trình, bài viết trước đó còn bỏ ngỏ để nghiên cứu bổ sung, phát triển. Phương pháp này còn được sử dụng để tổng hợp các quan điểm, ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước, dựa trên cơ sở những công trình nghiên cứu đã công bố trước, để NCS có cơ sở đưa ra những nhận định, ý kiến cá nhân tại các Chương 3,4.

Ngoài ra, sau khi đã phân tích, so sánh pháp luật của các nước trên thế giới như: Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản về hòa giải trực tuyến, phương pháp tổng hợp được NCS sử dụng để xâu chuỗi lại các vấn đề, từ đó có những nhận xét, đánh giá nhằm xây dựng khung pháp lý về hòa giải trực tuyến TCKDTM tại Tòa án Việt Nam tại chương 4.

- *Phương pháp so sánh luật học*: Phương pháp này được NCS sử dụng để so sánh các quy định pháp luật Việt Nam về hòa giải TCKDTM tại Tòa án với pháp luật nước ngoài. Đặc biệt, tại Chương 4 phương pháp so sánh dùng để làm rõ nghiên cứu pháp luật các nước trong việc xây dựng khung pháp lý về hòa giải trực tuyến tại Tòa án nhằm rút ra những kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam. Phương pháp này cũng được kết hợp sử dụng trong tất cả các nội dung của Luận án, so sánh các quy định pháp luật có liên quan. Từ sự so sánh này, NCS đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về hòa giải TCKDTM tại Tòa án.

- *Phương pháp bình luận án*: Được NCS sử dụng ở Chương 3 và Chương 4 của Luận án để làm rõ thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng thủ tục hòa giải trong giải quyết TCKDTM tại Tòa án. Từ đó, nêu lên được những ưu điểm, những

vấn đề còn bất cập, hạn chế trong quy định và thực thi pháp luật về vấn đề này nhằm giúp NCS có cơ sở đưa ra những kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về hòa giải TCKDTM tại Tòa án.

Ngoài ra, các phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh luật học và bình luận án được sử dụng phối hợp và bổ trợ cho nhau trong suốt các nội dung của luận án nhằm giúp cho luận án có kết quả nghiên cứu khách quan và toàn diện.

5. Điểm mới khoa học của Luận án

Thứ nhất, về mặt lý luận, đây là công trình nghiên cứu chuyên sâu, trên cơ sở tập hợp và phân tích các công trình khoa học đã được công bố từ trước đến nay về vấn đề hòa giải TCKDTM tại Tòa án, NCS muốn làm rõ và hệ thống hóa những vấn đề lý luận liên quan đến hòa giải TCKDTM tại Tòa án ở Việt Nam. Hình thành nên một hệ thống các vấn đề lý luận về hòa giải TCKDTM tại Tòa án.

Thứ hai, Luận án đã tiến hành phân tích, đánh giá thực trạng của các quy định pháp luật Việt Nam về hòa giải từ BLTTDS 2015 và các văn bản pháp luật liên quan như Nghị định 22/2017/NĐ-CP của Chính phủ về hòa giải thương mại để tìm ra những vấn đề còn bất cập, hạn chế trong quy định pháp luật về hòa giải TCKDTM tại Tòa án. Trên cơ sở đó, hình thành các kiến nghị đề xuất hoàn thiện pháp luật.

Thứ ba, Luận án cũng đã phân tích, bình luận thực tiễn xét xử thông các Bản án, Quyết định thực tế tại các Tòa án nhân dân mà NCS đã chú tâm sưu tầm trong quá trình công tác cũng như từ kinh nghiệm nghề nghiệp của NCS, tìm ra những vấn đề còn bỏ ngõ, khó khăn, thiếu sót trong quá trình áp dụng pháp luật để thấy được những khiếm khuyết của pháp luật thực định làm cơ sở cho những đề xuất kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

Thứ tư, NCS cũng đã tiến hành nghiên cứu, khảo sát, đánh giá khung pháp lý của một số nước trên thế giới có điều kiện kinh tế, xã hội tương đồng với Việt Nam như Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, NCS đã có nỗ lực trong việc khái quát những nội dung cơ bản của pháp luật về hòa giải của các quốc gia này, rút kết ra được những bài học kinh nghiệm để hình thành các kiến nghị đề xuất cho Việt Nam trong việc xây dựng khung pháp lý về HGTT.

Thứ năm, Luận án là một công trình nghiên cứu công phu, đã hình thành một số các kiến nghị, đề xuất hoàn thiện cho pháp luật Việt Nam về hòa giải TCKDTM tại Tòa án.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Luận án

Về mặt khoa học, Luận án là một công trình khoa học nghiên cứu nghiêm túc, công phu, khảo sát một cách toàn diện những vấn đề lý luận liên quan đến hòa giải các TCKDTM tại Tòa án. Kết quả nghiên cứu của Luận án sẽ cung cấp thêm những thông tin, nội dung quan trọng vào hệ thống cơ sở lý luận của khoa học pháp lý Việt Nam về giải quyết TCKDTM nói chung và hòa giải các TCKDTM tại Tòa án nói riêng. Luận án có thể làm tài liệu tham khảo bổ ích để phục vụ công tác cho các Thẩm phán, Luật sư, những ai làm công tác thực tiễn quan tâm đến vấn đề này, có thể làm tài liệu giảng dạy và tham khảo bổ ích cho các cử nhân luật tại các cơ sở đào tạo luật của Việt Nam vv...

Về mặt thực tiễn, Luận án là một công trình nghiên cứu trên cơ sở kết hợp giữa lý luận và thực tiễn rất cao, đánh giá một cách thấu đáo thực trạng pháp luật và tiến hành phân tích làm rõ thực trạng áp dụng pháp luật thông qua các vụ án TCKDTM. Vì thế, Luận án có thể làm tài liệu bổ ích cho việc nghiên cứu, vận dụng trong quá trình giải quyết các TCKDTM tại Tòa án của các Thẩm phán, Luật sư, người dân tiếp cận công lý và cho bất kỳ ai có quan tâm.

7. Kết cấu của Luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của Luận án được kết cấu 4 chương như sau:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý thuyết nghiên cứu

Chương 2. Những vấn đề lý luận về hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án Việt Nam

Chương 3. Chủ thể hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án Việt Nam

Chương 4. Phạm vi áp dụng, trình tự, thủ tục và phương thức hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước

1.1.1.1. *Nhóm các công trình nghiên cứu trong nước về khái niệm, đặc điểm, vai trò của hòa giải các tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án*

- Đào Văn Hội, “*Giải quyết tranh chấp kinh tế trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam*”, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2003.

- Đào Thị Xuân Lan, “*Hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh tế tại Tòa án ở Việt Nam*”, Luận án tiến sĩ luật học Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2003.

- Trần Văn Quảng, “*Chế định hòa giải trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam – cơ sở lý luận và thực tiễn*”, Luận án tiến sĩ Luật học Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2003:

1.1.1.2. *Nhóm các công trình nghiên cứu trong nước về Chủ thể quan hệ pháp luật hòa giải các tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án*

- Nguyễn Thị Kim Vinh, “*Pháp luật giải quyết tranh chấp kinh tế bằng con đường Tòa án ở Việt Nam*”, Luận án tiến sĩ Luật học Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2003:

- Lê Hương Giang, “*Hoàn thiện pháp luật về hòa giải thương mại ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*”, Luận án tiến sĩ Luật học, trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2019:

- Phan Nguyễn Bảo Ngọc, “*Quyền tiếp cận chứng cứ và quyền yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự tại “Phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải”*”, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 13/2017.

1.1.1.3. Nhóm các công trình nghiên cứu trong nước về Phạm vi hòa giải các tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án

- Bùi Thị Huyền, “*Điểm mới của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về hòa giải vụ án dân sự và những nội dung cần hướng dẫn*”, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 8/2016:

- Đặng Quang Huy, “*Những điểm mới của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về hòa giải vụ án dân sự*”, Tạp chí Nghề luật, số 6 năm 2017.

- Nguyễn Vinh Hưng, “*Một số ý kiến về những vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*”, đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân, số 09 năm 2020.

- Trần Anh Tuấn và các tác giả khác, “*Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015*”, Nxb Tư pháp, Hà Nội năm 2017.

1.1.1.4. Nhóm các công trình nghiên cứu trong nước về trình tự, thủ tục hòa giải các tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án

- Nguyễn Thị Hoài Phương, “*Hoàn thiện pháp luật về tài phán kinh tế ở Việt Nam hiện nay*”, Luận án tiến sĩ Luật học Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2003.

- Vũ Gia Trường, “*Thủ tục giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại tòa án cấp sơ thẩm*”, Luận án tiến sĩ Luật học Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội - Học viện Khoa học Xã hội Việt Nam, năm 2020.

- Đặng Thanh Hoa, “*Bàn về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án dân sự*”, Tạp chí Tòa án nhân dân số 10/2017.

1.1.1.5. Nhóm các công trình nghiên cứu trong nước về hòa giải các tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án theo hình thức trực tuyến

- Hà Công Bảo Anh, Lê Hằng Mỹ Hạnh, “*Giải quyết tranh chấp trực tuyến – khả năng áp dụng ở Việt Nam*”, đăng trên Tạp chí kinh tế đối ngoại số 93 (tháng 12/2017)

- Nguyễn Hải An- Chu Thị Thom, “*Hòa giải trực tuyến trong tố tụng để giải quyết tranh chấp dân sự*”, đăng trong Hội thảo khoa học Hòa giải các tranh chấp dân sự và kinh doanh, thương mại, Đại học Luật- Trường Đại học Huế:

- Nguyễn Văn Tứ, “*Xây dựng khung pháp lý hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự, kinh doanh, thương mại ở Việt Nam*”, được đăng trong Hội thảo khoa học Hòa giải các tranh chấp dân sự và KDTM, Đại học Luật- Trường Đại học Huế.

- Bành Quốc Tuấn và Trịnh Tuấn Anh, “*Hòa giải thương mại trực tuyến và khả năng phát triển tại Việt Nam*”, được đăng trong Hội thảo khoa học Hòa giải các tranh chấp dân sự và kinh doanh, thương mại, Đại học Luật- Trường Đại học Huế.

- Dương Quỳnh Hoa, “*Giải quyết tranh chấp trực tuyến ở Việt Nam*”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, Số 19 năm 2020.

- Nguyễn Thị Hoa, “*Thực trạng áp dụng phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài và hoà giải trực tuyến tại Liên minh Châu Âu*”, Kỷ yếu tọa đàm khoa học “Thực trạng giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, hòa giải trực tuyến của doanh nghiệp Việt Nam hiện nay”, Bộ Tư pháp năm 2021.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu nước ngoài

1.1.2.1. *Nhóm các công trình nghiên cứu nước ngoài về hòa giải các tranh chấp thương mại tại Tòa án theo thủ tục tố tụng*

- Wayne, Vicki and Xiong, Ping, “*The Relationship between Mediation and Judicial Proceedings in China*”, Asian Journal of Comparative Law: Vol. 6: Iss. 1, Article 2, (2011).

- Huang, Phillip C. C, “*Court Mediation in China, Past and Present*”, Commercial Dispute Resolution Journal, 32(3), (2006).

- Judd Epstein, “*The use of comparative law in commercial international arbitration and commercial mediation*”, (2001). (Áp dụng so sánh luật trong hòa giải và trọng tài thương mại quốc tế), trên Tạp chí Tulane Law (Vol 75:913, năm 2001)

- Randall Peerenboom, & Xin He, “*Dispute Resolutions in China: Patterns, Causes, and Prognosis*”, East Asia Law Review, Vol. 4: Iss. 1, (2009).

1.1.2.2. Nhóm các công trình nghiên cứu nước ngoài về hòa giải các tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án theo hình thức trực tuyến

- Sue Prince, “*Encouragement of Mediation in England and Wales Has Been Futile: Is There Now a Role for Online Dispute Resolution in Settling Low-value Claims*”, International Journal of Law in Context, p.4, (2020).

- Trong cuốn “*Dispute Resolution Reference Guide*”, Produced by Dispute Prevention and Resolution Division, (2012).

- Trong quy tắc tranh tụng trực tuyến: “The SPC Releases the Rules of Online Litigation of People’s Court”, năm 2021.

- C. Hart (1999), “*Online Dispute Resolution and Avoidance In Electronic Commerce*”, an article submitted for the Uniform Law Conference of Canada, august 1999.

1.1.3. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu và phát triển trong Luận án

Thứ nhất, dưới góc độ nghiên cứu về hòa giải trong giải quyết TCKDTM, nhiều công trình đã nêu trên đã đề cập tranh chấp, giải quyết TCKDTM cũng như hòa giải là một trong các phương thức GQTC.

Thứ hai, trong Luận án này, khái niệm, nguyên tắc, chủ thể, nội dung, mô hình hòa giải cũng sẽ được nghiên cứu, trình bày, giải thích, nêu thực trạng và đưa ra các giải pháp trong sự độc lập và hoàn chỉnh nhất định.

Thứ ba, trong một số nghiên cứu, trình tự, thủ tục GQTC hay các trình tự tố tụng tại Tòa án trong GQTC dân sự, kinh tế, lao động cũng đã được nghiên cứu.

Thứ tư, một số nghiên cứu đã đề cập đến giải quyết TCKDTM tại Tòa án cũng đã được nghiên cứu một số nguyên tắc giải quyết TCKDTM tại Tòa án, trong đó có hòa giải.

Thứ năm, về tình hình thực trạng giải quyết TCKDTM bằng hòa giải tại Tòa án là những nguồn tài liệu quý giá cho phần nghiên cứu thực trạng nhằm làm sáng tỏ các vấn đề lý luận liên quan đến hòa giải trong giải quyết TCKDTM tại Tòa án hiện nay.

1.2. Cơ sở lý thuyết nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu

1.2.1. Cơ sở lý thuyết nghiên cứu

Thứ nhất, Lý thuyết về lẽ công bằng (Equity theory)

Thứ hai, Lý thuyết về quyền định đoạt của các bên đương sự

Thứ ba, Lý thuyết về chi phí giao dịch (Transaction cost economics)

Thứ tư, Lý thuyết về hợp đồng (Contract theory)

Thứ năm, Lý thuyết trò chơi (Game theory)

1.2.2. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

Luận án được nghiên cứu dựa trên bối cảnh hiện nay, pháp luật về hòa giải tranh chấp KDTM tại Tòa án có nhiều bất cập. Từ đó, Luận án đặt ra các câu hỏi cần phải giải quyết, cụ thể:

Câu hỏi nghiên cứu tổng quát như sau: Pháp luật về hòa giải tranh chấp KDTM tại Tòa án Việt Nam cần được hoàn thiện như thế nào?

Câu hỏi nghiên cứu chi tiết 1: Cơ sở lý luận cho việc hoàn thiện quy định pháp

Câu hỏi nghiên cứu chi tiết 2: Pháp luật Việt Nam hiện hành quy định như thế nào về chủ thể của quan hệ pháp luật hòa giải tranh chấp KDTM tại Tòa án?

Câu hỏi nghiên cứu chi tiết 3: Quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về phạm vi, trình tự, thủ tục và phương thức hòa giải tranh chấp KDTM tại Tòa án có những bất cập gì?

CHƯƠNG 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HÒA GIẢI

TRANH CHẤP KINH DOANH, THƯƠNG TẠI TÒA ÁN

2.1. Khái niệm, đặc điểm của hòa giải các tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án

Hiện nay, pháp luật hiện hành không hề đề cập đến khái niệm, đặc điểm của hòa giải các TCKDTM tại Tòa án. Do đó, từ việc phân tích các quy định của pháp luật có liên quan đến hòa giải các TCKDTM tại Tòa án, Luận án sẽ rút ra khái niệm, đặc điểm của hòa giải các TCKDTM tại Tòa án.

2.1.1. Khái niệm hòa giải các tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án

Pháp luật hiện hành không quy định về khái niệm về hòa giải trong tố tụng dân sự nói chung và trong quá trình GQTC thương mại tại Tòa án nói riêng, song về phương diện khoa học pháp lý, theo quan điểm của NCS thì hòa giải trong GQTC thương mại tại Tòa án cần được hiểu như sau: *Hòa giải tranh chấp KDTM tại TAND là một thủ tục tố tụng bắt buộc trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và được khuyến khích ở các giai đoạn tố tụng tiếp theo. Theo đó, người tiến hành tố tụng với vai trò trung gian, có trách nhiệm hòa giải, giải thích pháp luật, giúp đỡ các bên đang có tranh chấp trong vụ án mà mình giải quyết nhằm hướng các bên đi đến thỏa thuận về một giải pháp giải quyết tranh chấp trên cơ sở đó Tòa án sẽ xem xét công nhận sự thỏa thuận của đương sự.*

2.1.2. Đặc điểm của hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án

Xuất phát từ khái niệm hòa giải TCKDTM và các quy định có liên quan có thể rút ra được một số đặc điểm của hòa giải TCKDTM tại Tòa án như sau:

Thứ nhất, hòa giải là một nguyên tắc cũng là thủ tục bắt buộc khi giải quyết vụ án KDTM tại Tòa án.

Thứ hai, chủ thể tiến hành hòa giải trong giải quyết vụ án KDTM tại TAND làm trung gian hòa giải giúp cho các đương sự thỏa thuận với nhau là Thẩm phán hoặc Hội đồng xét xử.

Thứ ba, hòa giải là sự thỏa thuận của các đương sự, mặc dù hòa giải là một hoạt động do Tòa án tiến hành nhưng về bản chất hòa giải vẫn là sự thỏa thuận của các đương sự.

Thứ tư, hòa giải còn có sự gắn bó chặt chẽ với các hoạt động tố tụng khác. Thông qua hoạt động này giúp Thẩm phán nắm bắt được tâm tư nguyện vọng và yêu cầu của từng bên, hiểu rõ hơn những vấn đề tranh chấp giữa các bên để từ đó tiến hành các hoạt động tố tụng tiếp theo.

2.2. Vai trò, ý nghĩa của hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án

Góp phần giải quyết có hiệu quả các tranh chấp, mâu thuẫn, vi phạm pháp luật, tiết kiệm thời gian, chi phí, công sức của nhân dân cũng như Nhà nước; góp phần khôi phục, duy trì, củng cố tình đoàn kết trong nội bộ nhân dân, phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân; góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân; góp phần duy trì và phát huy đạo lý truyền thống tốt đẹp, thuần phong mỹ tục của dân tộc¹. Ngoài ra, thủ tục hòa giải trong giải quyết TCKDTM tại Tòa án có vai trò, ý nghĩa vô cùng lớn, góp phần giải quyết vụ án được nhanh chóng, đạt được kết quả cao, các bên không phải tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phúc thẩm. Do mang tính chất tự nguyện, tự thỏa thuận nên việc thi hành án cũng đạt được nhiều kết quả đáng kể do các bên tự nguyện thi hành án, không phải cưỡng chế thi hành.

2.3. Nguyên tắc của hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án

2.3.1. Nguyên tắc trách nhiệm hòa giải của Tòa án

Hòa giải là một nguyên tắc, cũng là một hoạt động mà Tòa án phải tuân theo và tiến hành trong suốt quá trình giải quyết vụ án dân sự. Điều 10 BLTTDS năm 2004 được sửa đổi, bổ sung 2011 và BLTTDS 2015 đều ghi nhận: *“Tòa án có trách nhiệm tiến hành hòa giải và tạo điều kiện thuận lợi để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của Bộ luật này”*.

2.3.2. Nguyên tắc tiến hành hòa giải

Việc hòa giải đạt được hiệu quả sẽ bảo đảm giải quyết nhanh chóng các vụ án dân sự, bảo vệ kịp thời các quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án dân sự nhưng đồng thời bảo vệ được lợi ích của nhà nước, lợi ích công cộng hoặc quyền và lợi ích hợp pháp của người khác. Để việc hòa giải có kết quả, trước hết việc hòa giải phải được thực hiện theo những nguyên tắc nhất định.

¹ Hà Hùng Cường (2012), “Hòa giải cơ sở và vấn đề hoàn thiện pháp luật về hòa giải cơ sở ở Việt Nam”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, Số chuyên đề Pháp luật về Hòa giải, tr. 7-8.

2.4. Giá trị pháp lý của biên bản hòa giải thành trong giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án

Kết quả của sự hòa giải của Tòa án được thể hiện trong biên bản hòa giải thành và sau đó là quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Khác với bản án sơ thẩm do Tòa án tuyên, quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên có giá trị thi hành ngay sau khi Tòa công bố.

2.5. Hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án trong mối quan hệ với hòa giải trong giải quyết tranh chấp trong những lĩnh vực khác

So với những tranh chấp trong các lĩnh vực dân sự theo nghĩa rộng khác như tranh chấp lao động, tranh chấp hôn nhân và gia đình,...tranh chấp KDTM có những đặc điểm khác biệt do đó, chủ thể của hòa giải cũng có những đặc điểm riêng.

2.5.1. So sánh hòa giải tranh chấp KDTM tại Tòa án trong một số lĩnh vực khác

2.5.1.1. Với tranh chấp lao động

Hoà giải tranh chấp lao động cũng giống như hoà giải tranh chấp KDTM chúng đều là một phương thức giải quyết tranh chấp và là một trong các nguyên tắc giải quyết tranh chấp. Hoà giải là một phương thức giải quyết tranh chấp có tính chất riêng tư và thích hợp với các quan hệ mang tính bình đẳng, ngang giá như tranh chấp dân sự, kinh tế hay lao động. Tuy vậy, Hòa giải tranh chấp lao động và và hòa tranh chấp KDTM có một số khác biệt.

2.5.1.2. Với hòa giải tranh chấp hôn nhân gia đình

Hoà giải TCKDTM với hoà giải trong giải quyết hôn nhân gia đình (chủ yếu là ly hôn, xác định quyền nuôi con và cấp dưỡng) đều xuất phát từ việc hoà giải các vụ việc dân sự. Chúng giống nhau ở chỗ đều là một phương thức giải quyết tranh chấp đối với một quan hệ vừa có tính bình đẳng, vừa có tính phụ thuộc.

2.5.1.3. Với hòa giải tranh chấp dân sự

Hoà giải TCKDTM với hoà giải trong giải quyết tranh chấp dân sự theo nghĩa hẹp đều xuất phát từ việc hoà giải các vụ việc dân sự. Chúng giống nhau ở

chỗ đều là một phương thức giải quyết tranh chấp đối với một quan hệ vừa có tính bình đẳng, vừa có tính phụ thuộc.

2.5.2. Môi quan hệ hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án với phương thức hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án

- *Về người hòa giải:* Chủ thể hòa giải trong tố tụng dân sự được quy định tại Điều 10 BLTTDS 2015: “Tòa án có trách nhiệm tiến hành hòa giải và tạo điều kiện thuận lợi để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của Bộ luật này”.

Chủ thể thực hiện hòa giải, đối thoại tại Tòa án: Quy định cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm làm hoà giải viên được Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án (Luật HGĐTTTA) đưa ra tại Chương 2 Luật HGĐTTTA.

CHƯƠNG 3

CHỦ THỂ CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT HÒA GIẢI TRANH CHẤP KINH DOANH, THƯƠNG TẠI TÒA ÁN

3.1. Quy định pháp luật về chủ thể hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án Việt Nam

Chủ thể tiến hành hòa giải là người đóng vai trò bên thứ ba trong vụ việc hòa giải TCKDTM tại Tòa án. Chủ thể tiến hành là người độc lập, trung lập, không đại diện cho lợi ích bên nào.

3.1.1. Người chủ trì phiên hòa giải

Thẩm phán có vai trò quyết định cho sự thành công của phiên hòa giải. Trước đây, việc không quy định rõ ràng trong các BLTTDS 2004 sửa đổi bổ sung năm 2011 về chủ thể tiến hành hòa giải đã dẫn tới việc một số Tòa án địa phương đã phân công Thư ký tiến hành phiên hòa giải.

3.1.2. Các bên đương sự trong vụ tranh chấp kinh doanh, thương mại

Để tiến hành hòa giải và mở được phiên họp thì phải có sự tham gia của tất cả các đương sự trong vụ án. Đương sự tham gia hòa giải được triệu tập theo các

quy định từ Điều 170 đến điều 181 BLTTDS 2015. Họ là chủ thể chính của phiên hòa giải bởi mục đích của phiên họp là giúp họ thỏa thuận với nhau về nội dung tranh chấp.

3.1.3. Các chủ thể khác tham gia phiên hòa giải

3.1.3.1. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự

BLTTDS 2015 không quy định rõ khái niệm về người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự²(sau đây gọi là người bảo vệ). Dựa vào quy định này, có thể đưa ra khái niệm về người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong tố tụng dân sự như sau: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong tố tụng dân sự là người tham gia tố tụng có đủ các điều kiện do pháp luật quy định được đương sự đề nghị hoặc Tòa án chỉ định tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ trong quá trình giải quyết vụ việc KDTM tại Tòa án nhân dân³.

3.1.3.2. Người phiên dịch của đương sự trong hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án

Trong các vụ án KDTM, phạm vi của hoạt động kinh doanh không chỉ một quốc gia mà rộng ra cả quốc tế, các bên tranh chấp thường có tiếng nói và chữ viết riêng của dân tộc mình. Pháp luật tố tụng dân sự tôn trọng quyền sử dụng tiếng nói chữ viết của họ, khi họ không biết tiếng Việt hoặc họ là người nước ngoài thì bắt buộc phải có người phiên dịch.⁴

3.1.3.3. Các cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan

Từ thực tiễn xét xử thông qua một số vụ việc mà NCS đã dẫn chiếu có thể thấy rằng vấn đề xác định chủ thể hòa giải còn gặp nhiều khó khăn, xác định thiếu hoặc xác định không đúng tư cách của chủ thể khi tham gia vào quá trình hòa giải. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ sự thiếu sót, không rõ ràng của luật, dẫn đến quá trình áp dụng pháp luật phát sinh nhiều vướng mắc bất cập. Do đó, cần thiết phải

² Khoản 1 Điều 75 BLTTDS năm 2015.

³ Bùi Thị Thu Hoài (2019), 'Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong tố tụng dân sự', Luận văn thạc sĩ Luật học, tr.12.

⁴ Lý Văn Toán & Lâm Tố Trinh (2021), 'Người phiên dịch trong vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài- Thực tiễn và khuyến nghị', *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, đăng ngày 29/7/2021. <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/nguoi-phiien-dich-trong-vu-an-ly-hon-co-yeu-to-nuoc-ngoai-thuc-tie-n-va-khuyen-nghi>, truy cập ngày 08/9/2021.

nghiên cứu sửa đổi các quy định về xác định tư cách chủ thể tham gia hòa giải, để quá trình áp dụng pháp luật được thống nhất và hiệu quả hơn.

3.1.3.4. Sự công bằng giữa các chủ thể khi tham gia hòa giải vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án

Chủ thể của các quan hệ tranh chấp kinh doanh thương mại là các thương nhân, những chủ thể này có tâm lý mong muốn xác định quan hệ ổn định, lâu dài trên cơ sở hợp tác, tin cậy lẫn nhau khi tham gia hoạt động kinh doanh, thương mại. Trong quan hệ kinh doanh thương mại quyền và nghĩa vụ của các chủ thể luôn tương xứng với nhau trên cơ sở thỏa thuận, bình đẳng với mục đích tối đa là lợi ích kinh tế. Vì vậy, các tranh chấp phát sinh sẽ có nguy cơ đe dọa và ảnh hưởng xấu đến quyền, lợi ích của các bên trong điều kiện lợi ích kinh tế của các bên phụ thuộc và ảnh hưởng lẫn nhau.

3.2. Kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về chủ thể quan hệ pháp luật hòa giải các tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án

3.2.1. Kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về người phiên dịch của đương sự trong hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án

Từ những vướng mắc, bất cập trong quá trình hòa giải NCS kiến nghị hoàn thiện pháp luật về chủ thể người phiên dịch trong hòa giải TCKDTM tại Tòa án như sau:

- Sửa đổi, bổ sung các điều kiện để trở thành người phiên dịch trong hòa giải tranh chấp thương mại

Cần thiết phải bổ sung thêm quy định cho trường hợp người đại diện cũng có thể là người phiên dịch cho chính người đại diện của họ nếu như họ đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn của người phiên dịch. Cụ thể, sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 87 BLTTDS 2015 như sau: “.....2. *Người phiên dịch phải từ chối phiên dịch hoặc bị thay đổi trong những trường hợp sau đây: a) Thuộc một trong những trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 52 của Bộ luật này*”.

Đồng thời, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 81 BLTTDS 2015. Cụ thể:

...Người phiên dịch đồng thời là người đại diện của đương sự nếu như đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo như quy định tại khoản 1 Điều 81 của Bộ luật này.

3.2.2. Kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại

NCS kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 87 BLTTDS 2015 như sau:

1. Những người sau đây không được làm người đại diện theo pháp luật:

... c) Nếu họ đang là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chính đương sự được đại diện.

2. Quy định tại khoản 1 Điều này cũng được áp dụng đối với trường hợp đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự...

Đồng thời, bổ sung quy định tại Điều 75 BLTTDS 2015 về trường hợp một người đang là người đại diện của đương sự thì không được làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đó trong vụ án. Cụ thể:

...3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều đương sự trong cùng một vụ án, nếu quyền và lợi ích hợp pháp của những người đó không đối lập nhau. Nhiều người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có thể cùng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của một đương sự trong vụ án. Một người đang là người đại diện của đương sự thì không được làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự...⁵.

3.2.3. Kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về sự tham gia của chủ thể khác tại phiên hòa giải

NCS kiến nghị, cần bổ sung nhóm chủ thể cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan tham gia phiên hòa giải theo yêu cầu của Thẩm phán họ là những cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia, hoặc đại diện hiệp hội doanh nghiệp hay hòa giải viên am hiểu lĩnh vực tranh chấp thương mại...mục đích giúp Thẩm phán hiểu rõ hơn vấn đề tranh chấp nhằm hòa giải đạt được kết quả tốt nhất. Việc mời những đối tượng này tham gia phiên họp và hòa giải sẽ góp phần giúp Thẩm phán tiến hành giải quyết vụ việc dễ dàng nắm bắt được nhiều thông tin về vụ việc, cũng như

⁵ Trần Thị Quỳnh Châu (2019), *tlđđ*, tr.137.

tâm lý của các bên tranh chấp. Từ đó có những cách xử lý linh hoạt, phù hợp với mỗi vụ việc để đạt được kết quả hòa giải tốt nhất.

Ngoài ra, về vấn đề xác định tư cách chủ thể tham gia hòa giải TCKDTM tại Tòa án, NCS kiến nghị nên sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 205 BLTTDS 2015 như sau: *Việc hòa giải phải thực hiện theo nguyên tắc phải tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, lợi ích hợp pháp của các chủ thể khác và lợi ích của Nhà nước.* Việc sửa đổi này sẽ phù hợp với thực tiễn xét xử, góp phần giải quyết được những khó khăn, vướng mắc và hoàn thiện luật thực định Việt Nam, ngoài ra nó phù hợp hệ thống pháp luật của các nước trên thế giới.

3.2.4. Kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về sự công bằng của các chủ thể khi tham gia hòa giải

Thứ nhất, NCS kiến nghị sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 205 BLTTDS 2015 theo hướng: *Việc hòa giải phải thực hiện theo nguyên tắc công bằng, phải tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, lợi ích hợp pháp của các chủ thể khác và lợi ích của Nhà nước.*

Thứ hai, NCS kiến nghị sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 213 như sau: Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự chỉ có thể bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm nếu có căn cứ cho rằng sự thỏa thuận đó là do bị nhầm lẫn, lừa dối, đe dọa, cưỡng ép hoặc vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội hoặc không đảm bảo sự công bằng ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, lợi ích hợp pháp của các chủ thể khác và lợi ích của Nhà nước..

CHƯƠNG 4

PHẠM VI, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VÀ PHƯƠNG THỨC HÒA GIẢI TRANH CHẤP KINH DOANH, THƯƠNG MẠI TẠI TÒA ÁN

4.1. Phạm vi hòa giải những tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án

4.1.1. Quy định pháp luật về phạm vi hòa giải những tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án

4.1.1.1. Xác định nội dung hòa giải các tranh chấp kinh doanh, thương mại

Phạm vi hòa giải là những vụ án KDTM mà Tòa án phải thực hiện hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án KDTM. Phạm vi hòa giải vụ án KDTM là giới hạn những vụ án Tòa án phải tiến hành trước khi xét xử sơ thẩm.

4.1.1.2. Những vụ án kinh doanh, thương mại không được hòa giải

- Vụ án kinh doanh, thương mại yêu cầu đòi bồi thường vì lý do gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước

Yêu cầu đòi bồi thường vì lý do gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước được quy định tại khoản 1 Điều 206 BLTTDS 2015, Tòa án không được hòa giải vì tài sản của Nhà nước thuộc sở hữu toàn dân.⁶ Quy định này nhằm đảm bảo nguyên tắc bất khả xâm phạm đối với tài sản của Nhà nước, phòng ngừa những trường hợp thỏa thuận gây hại đến tài sản Nhà nước. Theo đó, mọi hành vi gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước đều là trái pháp luật và phải bồi thường, người gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước không có quyền điều đình và thỏa thuận với Nhà nước về trách nhiệm và mức bồi thường.

- Vụ án kinh doanh, thương mại phát sinh từ giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của luật hoặc trái đạo đức xã hội

Từ những bất cập trên, theo NCS, trong thời gian tới rất cần quy định rõ ràng như thế nào là trái đạo đức xã hội để các Tòa án địa phương vận dụng trong công tác xét xử để đảm bảo thống nhất trên phạm vi cả nước, tránh trường hợp như hiện nay mỗi nơi áp dụng mỗi kiểu, dẫn đến nhiều bản án cùng nội dung tương tự nhau nhưng kết quả giải quyết khác nhau hoặc các quan điểm khác nhau dẫn đến bản án bị hủy sửa, xét xử lại nhiều lần.

⁶ Theo Điều 197 BLDS 2015, tài sản thuộc sở hữu toàn dân bao gồm đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.

4.1.1.3. *Những vụ án kinh doanh, thương mại không tiến hành hòa giải được*

BLTTDS 2015 không hề đưa ra khái niệm như thế nào là vụ án KDTM không hòa giải được cũng giống như những vụ án KDTM không được hòa giải, mà chỉ liệt kê nếu rơi vào các trường hợp cụ thể theo Điều 207 BLTTDS 2015 thì Tòa án không hòa giải được. Có thể hiểu là những vụ án pháp luật quy định phải tiến hành hòa giải nhưng Tòa án không thể tiến hành hòa giải được do những lý do khác nhau nên thuộc trường hợp vụ án KDTM mãi không tiến hành hòa giải được.

4.1.2. Kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về phạm vi hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án

4.1.2.1. *Kiến nghị hoàn thiện pháp luật quy định về những vụ án kinh doanh, thương mại yêu cầu đòi bồi thường vì lý do gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước:*

Đối với quy định nêu tại khoản 1 Điều 206 BLTTDS năm 2015 cần có sự nghiên cứu và xem xét lại để có thể phù hợp hơn với thực tiễn, giữa đảm bảo sự bình đẳng về chủ thể kinh doanh trước pháp luật vừa có thể bảo toàn được tài sản của nhà nước trong một giới hạn hợp lý.

4.1.2.2. *Kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về vụ án kinh doanh, thương mại phát sinh từ giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của luật hoặc trái đạo đức xã hội*

Từ những phân tích những vướng mắc, bất cập trong quá trình áp dụng pháp luật thực định NCS kiến nghị sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 206 BLTTDS 2015 như sau: Giao dịch vi phạm điều cấm của luật thì nhà nước đã bị xâm phạm ngay từ khi giao kết hợp đồng. Việc hòa giải vì thế không đảm bảo lợi ích của Nhà nước và của xã hội. Vậy pháp luật cần quy định: *Đối với những TCKDTM phát sinh từ giao dịch vi phạm điều cấm của luật thì không được hòa giải, kể cả trường hợp hòa giải để giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu* bởi kết quả hòa giải này Tòa án cũng không thể ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

4.1.2.3. *Kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về trường hợp vụ án kinh doanh, thương mại không hòa giải được vì bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt*

Dựa trên phân tích những bất cập của BLTTDS năm 2015 và thực tiễn áp dụng NCS kiến nghị cần sửa đổi khoản 1 Điều 207 BLTTDS 2015 theo hướng như sau: *Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt **không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan*** để phù hợp và thống nhất với khoản 2 Điều 227 BLTTDS 2015.

4.1.2.4. *Kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về một trong các bên đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải*

NCS kiến nghị trong trường hợp đương sự có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải ngay sau khi nộp đơn khởi kiện thì cần ban hành văn bản hướng dẫn theo hướng như sau: Tòa án không cần ban hành các thủ tục tố tụng như thông báo triệu tập phiên hòa giải.

4.2. Thủ tục hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án

4.2.1. *Quy định pháp luật về trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án*

Điểm mới quan trọng được quy định trong BLTTDS 2015 là trước khi tiến hành hòa giải, Thẩm phán sẽ tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được diễn ra nối tiếp nhau.

4.2.1.1. *Về triệu tập đương sự tham gia hòa giải.*

Theo quy định tại Điều 208 BLTTDS 2015 quy định về Thẩm phán tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự. Trước khi tiến hành phiên họp, Thẩm phán phải thông báo cho đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự, NBVQLIHPCĐS về thời gian, địa điểm tiến hành phiên họp và nội dung của phiên họp.

4.2.1.2. *Nội dung của phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.*

Theo quy định tại Điều 210 BLTTDS 2015 quy định về trình tự hòa giải, có thể thấy BLTTDS năm 2015 hướng dẫn cụ thể về trình tự hòa giải. Trên cơ sở lời

trình bày của các bên, Thẩm phán lập biên bản hòa giải xác định những vấn đề các bên đã thống nhất, những vấn đề chưa thống nhất và yêu cầu đương sự trình bày bổ sung những vấn đề chưa rõ, chưa thống nhất. Biên bản hòa giải phải có đầy đủ chữ ký của những người tham gia phiên họp.

4.2.1.3. *Hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài.*

Điều 476 quy định về thông báo việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa thì khi gửi thông báo cho đương sự phải nêu rõ thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.⁷

4.2.1.4. *Thủ tục tiến hành hòa giải và lập biên bản hòa giải thành liên quan đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt*

Hiện nay, trong thực trạng pháp luật về thủ tục ra quyết định công nhận còn có một số tồn tại, bất cập⁸. Theo quy định tại khoản 3 Điều 212 BLTTDS 2015, Thẩm phán ra quyết định công nhận nếu không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt, trong trường hợp các đương sự có mặt thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án thì thỏa thuận đó chỉ có giá trị đối với những người có mặt. Như vậy, quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt được giải quyết như thế nào khi Tòa án ra quyết định công nhận đối với những đương sự có mặt, mặc dù không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của đương sự vắng mặt.

4.2.1.5. *Thời hạn ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự*

Pháp luật hiện hành quy định kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó thì thời hạn ra quyết định công nhận là 07 ngày. Ở đây, quy định tại khoản 3 Điều 212 BLTTDS 2015 chỉ quy định thời hạn khi các đương sự có mặt, còn đối với trường hợp có đương sự vắng mặt thì dường như luật không có quy định kể từ khi nào và thời hạn là bao.

⁷ Khoản 2 Điều 467 BLTTDS năm 2015.

⁸ Vũ Đức Anh (2019), '*Pháp luật về hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại từ thực tiễn TAND tỉnh Đắk Lắk*', Luận văn Thạc Sĩ Luật học, Trường Đại học Kinh tế- Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tr.41.

4.2.1.6. Hiệu lực của quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự

Khi các bên đương sự đã tìm được tiếng nói chung và thống nhất được phương pháp giải quyết vụ án KDTM trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, không vi phạm điều cấm của luật cũng như đạo đức xã hội thì khi đó, căn cứ Điều 213 BLTTDS 2015, (Hiệu lực của quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự) quyết định này sẽ có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành.

4.2.1.7. Căn cứ kháng nghị theo thủ tục tái thẩm quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự

BLTTDS năm 2015 chỉ cho phép kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nếu có căn cứ cho rằng sự thỏa thuận đó là do bị nhầm lẫn, lừa dối, đe dọa, cưỡng ép hoặc vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội. Mà không quy định cho phép kháng nghị theo thủ tục tái thẩm, do đó cần phải nghiên cứu bổ sung cho phù hợp⁹.

4.2.2. Kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án

4.2.2.1. Kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải

Dựa trên những phân tích bất cập ở phần trên, NCS kiến nghị cần thiết sửa đổi, bổ sung cho trường hợp khi nguyên đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt như sau: ***Tòa án tiến hành đình chỉ giải quyết vụ án ở bất cứ giai đoạn nào trong quá trình tố tụng không phân biệt là hòa giải hay tại phiên tòa***, trừ trường hợp họ đề nghị xét xử vắng mặt hoặc vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan.

4.2.2.2. Kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về nội dung phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải

NCS kiến nghị trong thời gian tới, cần có văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn chi tiết hơn về thủ tục hòa giải tại Tòa án, cụ thể như sau: Xác định tiêu chí về “việc hòa giải không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt”.

⁹ Khoản 2 Điều 213 BLTTDS năm 2015.

Đối với trình tự tại phiên họp, theo NCS khi tiến hành hòa giải nên gộp phần Thẩm phán phổ biến cho các đương sự về quyền và nghĩa vụ của họ theo luật tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào một, không phải phổ biến lại, tránh trùng lặp, gây mất thời gian không cần thiết.

4.2.2.3. *Kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về hòa giải vụ án kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài*

NCS kiến nghị cần quy định cụ thể đối với quy định tại Điều 476 BLTTDS không nên quy định cứng nhắc về thời gian để việc hòa giải được dễ dàng và thuận tiện hơn.

4.2.2.4. *Kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về việc tiến hành hòa giải và lập biên bản hòa giải thành liên quan đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt*

NCS kiến nghị sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 211 BLTTDS 2015 như sau: Tòa án lập biên bản hòa giải thành trong trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về các vấn đề phải giải quyết trong vụ án. Biên bản này được gửi ngay cho các đương sự tham gia hòa giải. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, Tòa án phải gửi bản sao biên bản này và thông báo cho đương sự vắng mặt nếu thỏa thuận này có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của họ để họ biết có ý kiến¹⁰.

4.2.2.5. *Kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về thời hạn ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự*

NCS kiến nghị cần quy định khoản 3 Điều 212 BLTTDS 2015 như sau: Ngày Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự trong trường hợp này là 07 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý bằng văn bản của đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải.

¹⁰ Đào Minh Phúc (2018), ‘Công nhận sự thỏa thuận của đương sự trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam’, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Kinh tế- Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tr.66.

4.2.2.6. *Kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về thời điểm có hiệu lực của quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự*

Dựa trên những phân tích trên, NCS kiến nghị nên sửa đổi, bổ sung Điều 212 BLTTDS năm 2015 như sau: Cân nhắc việc quy định thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật ngay tại thời điểm các đương sự đạt được thỏa thuận và ký nhận vào Biên bản hòa giải thành.

4.2.2.7. *Kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về kháng nghị theo thủ tục tái thẩm quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự*

Nhằm đảm bảo quyền, lợi ích chính đáng của các bên trong hòa giải và để tương thích với Điều 351 BLTTDS năm 2015, NCS kiến nghị cần phải nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Điều 213 BLTTDS năm 2015 như sau: ***Bổ sung quy định cho phép kháng nghị theo thủ tục tái thẩm đối với quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.***

4.3. **Phương thức hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án**

4.3.1. ***Hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án theo phương thức trực tiếp***

BLTTDS 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành chỉ hướng dẫn áp dụng cho hình thức hòa giải trực tiếp.

4.3.2. ***Hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án theo phương thức trực tuyến***

Hiện nay, khi xã hội phát triển, các giao dịch thương mại không chỉ dừng lại ở một quốc gia mà nó còn lan rộng ra toàn quốc tế, các bên mua bán hàng hóa ngày càng nhiều sẽ dẫn đến nhiều phát sinh tranh chấp.

4.3.2.1. *Kinh nghiệm của Trung Quốc về hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại trực tuyến tại Tòa án*

- *Cơ sở pháp lý về hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại trực tuyến tại Tòa án nhân dân Trung Quốc*

Trước khi bắt đầu tiến hành cải cách sâu rộng thủ tục tố tụng trực tuyến thì trước đây Trung Quốc cũng có những ý tưởng mầm mống về HGTT trong giải

quyết các tranh chấp thương mại điện tử trực tuyến,¹¹ từ những lợi ích và hiệu quả mà nó đem lại nên Trung Quốc đã tiến hành áp dụng rộng rãi.

4.3.2.2. Kinh nghiệm của Nhật Bản về hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại trực tuyến tại Tòa án

Sau khi nghiên cứu pháp luật của Nhật Bản về hòa giải tranh chấp trực tuyến, có thể đề xuất một số kinh nghiệm cho Việt Nam như sau:

Thứ nhất, đồng bộ hóa cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và tiếp tục xây dựng Chính phủ điện tử. *Thứ hai*, xây dựng các đạo luật và có các chính sách cụ thể để thúc đẩy GQTC trực tuyến cũng như hòa giải các tranh chấp trực tuyến.

Thứ ba, có chính sách thu hút sự tự nguyện tham gia của các bên.

4.3.2.3. Kinh nghiệm của Ấn Độ về hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại trực tuyến tại Tòa án

Qua nghiên cứu kinh nghiệm của Ấn Độ về hòa giải TCKDTM tại Tòa án cũng như những khó khăn thách thức khi áp dụng vào thực tiễn, có thể đề xuất một số kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc hoàn thiện khung pháp lý về hòa giải TCKDTM tại tòa án như sau:

Thứ nhất, để hòa giải trực tuyến được củng cố và phát triển trước hết cần phải xây dựng đồng bộ hành lang pháp lý. *Thứ hai*, Chính phủ cần đưa ra các chủ trương cụ thể khuyến khích hòa giải trực tuyến phát triển, trên cơ sở các chủ trương chính sách phát triển của Chính phủ thì mới thúc đẩy sự tham gia của các bên tham gia vào vấn đề này. *Thứ ba*, chú trọng vào vấn đề bảo mật và quyền riêng tư trong quá trình sử dụng hòa giải trực tuyến.

¹¹ Xue Hong (2004), 'Online Dispute Resolution for E-commerce in China: Present Practices and Future Developments', *Hong Kong Law Journal*, 2004, vol. 34, n.2, p.377-399.

4.3.3. Kiến nghị xây dựng khung pháp lý hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại trực tuyến tại Tòa án Việt Nam

4.3.3.1. Sự cần thiết xây dựng khung pháp lý hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại trực tuyến tại Tòa án Việt Nam

Quá trình phát triển đất nước cũng như kinh nghiệm quốc tế cho thấy hòa giải trực tuyến TCKDTM đóng vai trò đặc biệt quan trọng khi giải quyết các tranh chấp mâu thuẫn phát sinh trong xã hội.

Tóm lại, xuất phát từ nhu cầu, đòi hỏi của thực tiễn cuộc sống; từ ý nghĩa tầm quan trọng của hòa giải, thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng về đa dạng hóa phương thức GQTC thông qua việc xây dựng cơ chế phát lý mới về hòa giải TCKDTM; thực hiện kết luận của Ban chỉ đạo cải cách Trung ương; học tập kinh nghiệm của một số quốc gia đã xây dựng khung pháp lý cho việc hòa giải trực tuyến TCKDTM tại Tòa án nên việc nghiên cứu xây dựng khung pháp lý về hòa giải trực tuyến TCKDTM tại Tòa án là hết sức cần thiết¹².

4.3.3.2. Kiến nghị cụ thể xây dựng khung pháp lý hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại trực tuyến tại Tòa án Việt Nam

- Bổ sung định nghĩa về hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự

Tham khảo kinh nghiệm của các nước phát triển trong việc thực hiện HGTT các TCKDTM tại Tòa án NCS đề xuất xây dựng một khái niệm cụ thể về HGTT như sau: *Hòa giải trực tuyến tại Tòa án là một phương thức giải quyết tranh chấp mà ở đó tranh chấp giữa các bên được giải quyết một phần hoặc toàn bộ trực tuyến bởi Tòa án làm trung gian nhằm đạt được một thỏa thuận chung.*

- Thủ tục tổng đạt về phiên hòa giải trực tuyến

Pháp luật hiện nay đã cho phép Tòa án tiến hành thủ tục tổng đạt điện tử. Tuy mới chỉ thí điểm thực hiện nhưng nó mang lại nhiều hiệu quả. Do đó, để vấn đề HGTT được tiến hành hiệu quả thì việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng trực tuyến cũng phải được quy định cụ thể.

¹² Tổng Anh Hào (2020), *Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải, đối thoại tại Tòa án khóa I*, Tòa án nhân dân tối cao, tr1-2.

- Điều kiện áp dụng hòa giải trực tuyến tại Tòa án

Tổ chức hòa giải trực tuyến trong tố tụng để giải quyết TCKDTM là nhu cầu, xu hướng tất yếu của hoạt động tư pháp nói chung và tố tụng trực tuyến nói riêng phù hợp với chủ trương của Đảng, các nguyên tắc cơ bản và thủ tục tố tụng do pháp luật quy định; phù hợp với thực tiễn.

- Trình tự phiên hòa giải trực tuyến

Thứ nhất, Trình tự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải trực tuyến phải đảm bảo tuân theo quy định tại Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.¹³ *Thứ hai*, cần quy định các trường hợp thủ tục HGTT bị chấm dứt có thể chấm dứt. *Thứ ba*, về biên bản hòa giải trực tuyến

KẾT LUẬN

Hiện nay khi nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển thì TCKDTM trong xã hội ngày càng nhiều, chế định hòa giải TCKDTM tại Tòa án ra đời là một nhu cầu tất yếu trong xã hội bởi vị trí vai trò, ý nghĩa trong hoạt động kinh doanh, giúp cho các bên tranh chấp giải quyết được tranh chấp trong hòa bình, giảm tranh chấp sau khi giải quyết xong những bất đồng mâu thuẫn các bên vẫn có thể làm ăn với nhau. Ngoài ra, chế định hòa giải còn giúp nhà nước giảm chi phí khi GQTC, khi hòa giải thành Tòa án không phải tiến hành nhiều thủ tục để đưa vụ án ra xét xử.

Qua quá trình nghiên cứu đề tài “*Pháp luật hòa giải các tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án*”, trong khuôn khổ Luận án Tiến sĩ Luật học, NCS rút ra được một số kết luận sau:

Thứ nhất, tổng quan một cách có hệ thống và toàn diện về các vấn đề có liên quan pháp luật hòa giải TCKDTM tại Tòa án. Với nguồn tài liệu nước ngoài và trong nước phong phú và đa dạng nhưng trong phạm vi nghiên cứu, NCS chỉ chọn lọc những công trình tiêu biểu. Qua đó, đã chỉ ra những thành tựu trong nghiên cứu mà luận án tiếp tục kế thừa phát triển đồng thời cũng chỉ ra những vấn đề còn bỏ ngỏ và cần được giải quyết sâu hơn.

¹³ Nguyễn Văn Tứ (2021), ‘Xây dựng khung pháp lý hòa giải trực tuyến trong tố tụng dân sự, kinh doanh thương mại ở Việt Nam’, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Hòa giải các tranh chấp dân sự và kinh doanh thương mại, Đại học Luật- Trường đại học Huế, tr. 230-235.

Thứ hai, NCS đã phân tích và làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn của chủ thể quan hệ hòa giải tranh chấp KDTM tại Tòa án Việt Nam, thông qua việc phân tích các quan điểm khác nhau. NCS đã đưa ra được khái niệm, ý nghĩa, đặc điểm và sơ lược hệ thống những quy định về pháp luật hòa giải tranh chấp KDTM. Sự cần thiết phải điều chỉnh bằng luật pháp luật hòa giải tranh chấp KDTM tại Tòa án Việt Nam đồng thời đưa ra những kiến nghị cho việc hoàn thiện pháp luật về chủ thể hòa giải.

Thứ ba, NCS đã chỉ ra được các bất cập trong quy định pháp luật về phạm vi, trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp KDTM tại Tòa án, đồng thời đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật hòa giải tranh chấp KDTM tại Tòa án, trong phạm vi nghiên cứu của luận án, NCS đã phân tích, so sánh, tổng hợp thực tiễn xét xử từ đó có cái nhìn sâu sắc nhất về vấn đề này, đồng thời đưa ra được những kiến nghị nhằm hoàn thiện phạm vi, trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp KDTM tại Tòa án.

Thứ tư, Trên cơ sở nghiên cứu pháp luật của một số quốc gia phát triển, NCS đã khái quát một bức tranh toàn diện về HGTT tranh chấp KDTM tại Tòa án, đồng thời đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện khung pháp lý về HGTT các tranh chấp KDTM tại Tòa án Việt Nam./.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ**

1. Lý Văn Toán (2018), ‘Những vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được- thực tiễn áp dụng và kiến nghị hoàn thiện pháp luật’, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (3), tr. 30 - 36.
2. Lý Văn Toán (2021), ‘Nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không thuộc trường hợp những vụ án dân sự không hòa giải được’, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, ngày đăng 18/01/2021, <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/nguyen-don-da-duoc-trieu-tap-hop-le-lan-thu-hai-ma-van-vang-mat-khong-thuoc-truong-hop-nhung-vu-an-dan-su-khong-hoa-giai-duoc>
3. Vũ Thị Bích Hải & Lý Văn Toán (2021), ‘Tác động của đại dịch covid – 19 đến hoạt động hòa giải vụ án dân sự của tòa án nhân dân và một số kiến nghị’, *Tạp chí Dân chủ & pháp luật*, số chuyên đề tháng 3/2021, tr. 160 - 172.
4. Lý Văn Toán (2021), ‘Một số ý kiến về quy định lý do chính đáng, sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan’, *Tạp chí Kiểm sát* số 15/2021, tr. 54-58.
5. Van Toan LY (2021), ‘The Russian federal laws on mediation of civil disputes in courts and several recommendations for Vietnam’, *Proceeding – 24th Kuala Lumpur International Business, Economics and Law Conference. 31 July 2021, Online Conference*, p.15-20.
6. Van Toan LY (2021), ‘The south Korean laws on mediation of commercial disputes at courts and a number of recommendations for Vietnam’, *Conference proceedings International Conference on Business and Finance 2021*, p. 214-220.
7. Lý Văn Toán & Lâm Tố Trinh (2021), ‘Người phiên dịch trong vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài- Thực tiễn và khuyến nghị’, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, ngày đăng 29/07/2021. <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/nguyen-cuu/nguoi-phien-dich-trong-vu-an-ly-hon-co-yeu-to-nuoc-ngoai-thuc-tien-va-khuyen-nghi>
8. Lý Văn Toán (2021), ‘Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải- Một số nội dung cần làm rõ’, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, ngày đăng 04/09/2021. <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/phien-hop-kiem-tra-viec-giao-nop-tiep-can-cong-khai-chung-cu-va-hoa-giai-mot-so-noi-dung-can-lam-ro>
9. Lý Văn Toán (2021), ‘Sự công bằng giữa các chủ thể khi hòa giải tranh chấp thương mại tại Tòa án- thực tiễn và khuyến nghị’, *Tạp chí Kiểm sát* số 24/2021, tr. 54-58.

10. Lý Văn Toán & Lữ Cẩm Nhung (2021), ‘Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự trong giải quyết tranh chấp thương mại tại Tòa án - Thực tiễn và khuyến nghị’, Kỷ yếu Hội thảo Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, tr.425-435.
11. Lý Văn Toán (2021), ‘Pháp luật về hòa giải các tranh chấp thương mại tại Tòa án Việt Nam- Thực tiễn và khuyến nghị’, Kỷ yếu Hội thảo Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, tr.436-447.
12. Lý Văn Toán (2023), ‘Hoàn thiện tính bảo mật thông tin trong hòa giải tranh chấp thương mại tại Tòa án’, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (5), tr. 16 - 21.
13. Văn Toán LY (2023), ‘Laws on online mediation in resolving commercial disputes in the courts of some countries and experience for Vietnam’, *Conference proceedings 6th International Conference on Contemporary issues in Economics, Management and Business*, November 23th-24th, Ha Noi, Vietnam, p.2055-2066.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO